





**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2025.F.1 (2025-2029)**

Đơn vị: Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Nga

Nghành/ Định hướng: Ngôn ngữ Nga - Định hướng Biên Phiên dịch

Dành cho SV có năng lực tiếng Nga bậc 4

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

**CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH**

**Năm học 2025-2026**

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>(SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)</i>	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	RUS2084	Tiếng Nga 3A	3	6
4	RUS2085	Tiếng Nga 3B	3	6
	RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại	0	3
		<b>Cộng</b>	<b>14</b>	<b>23</b>

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	RUS2087	Tiếng Nga 4A	3	6
9	RUS2088	Tiếng Nga 4B	3	6
10	RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại	3	3
		(Tiếng Nga giao tiếp đương đại sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
		<b>Cộng</b>	<b>18</b>	<b>27</b>

**Năm học 2026-2027**

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	RUS2091	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	6
14	RUS2093	Viết luận đại học	3	6
15	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	0	3
		<b>Tự chọn khối II.2</b> <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)</i>	<b>6</b>	<b>6</b>
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
16-17		<b>Tự chọn khối III.2</b> <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)</i>	<b>6</b>	<b>6</b>
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
		<b>Cộng</b>	<b>17</b>	<b>26</b>

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
18	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
19	RUS2092	Kỹ năng sử dụng tiếng Nga nâng cao	3	6
20	RUS2094	Ngôn ngữ và truyền thông	3	6
21	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
22	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	3	3
		(Thực hành ngữ pháp tiếng Nga sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
23-24		<b>Tự chọn khối II.2</b> <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)</i>	<b>6</b>	<b>6</b>
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		<b>Cộng</b>	<b>19</b>	<b>25</b>

**Năm học 2027-2028**

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
25	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
26	RUS2089	Tiếng Nga 4C <i>(SV có thể chọn học tại HK5 hoặc HK6)</i>	3	6
27	RUS3034	Lý thuyết dịch	3	3
28	RUS2033	Ngôn ngữ học tiếng Nga 1	3	3
29	RUS2032	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
30	RUS2003	Đất nước học Nga	3	3
		<b>Tự chọn khối II.2</b> <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)</i>	<b>6</b>	<b>6</b>

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
31	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
32	RUS2034	Ngôn ngữ học tiếng Nga 2	3	3
33	RUS3030	Phiên dịch	3	3
34	RUS3017	Biên dịch	3	3
35	RUS3040	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3
36		<b>Tự chọn khối IV.2.2</b> <i>(SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc HK 7)</i>	<b>6</b>	<b>6</b>
	RUS2046	Văn học Nga 1	3	3









